| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 318/2019/DS-PT
Ngày: 29-7-2019
Về việc: Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và chia thừa kế.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán*: Ông Đặng Văn Thành

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 750/2018/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1212/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Nguyễn Hà L; Địa chỉ cư trú: 02 Rue de la Fraternite 95520 OSNY, France; Địa chỉ liên lạc: 197/33 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Thanh H; Địa chỉ cư trú: 1208 (số cũ 51/11) LĐT, Phường 13, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 23672, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/9/2008 tại Phòng Công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Ông Bùi Phương N, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Bùi Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Trường Cương L1; Địa chỉ cư trú: 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Kê Khắc D, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phương Trang, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà NLQ1 (tên gọi khác: Vu Tina Nguyen), chết ngày 05/01/2014 tại Hoa Kỳ

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ1:*

1.1/ Ông NKTQNLQ1 (vắng mặt)

1.2/ Ông NKTQNLQ2 (Dany Vu, vắng mặt)

1.3/ Ông NKTQNLQ3 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 501 Verano Court, San Jose, CA 95111 USA.

1.4/ Bà NKTQNLQ4 (Lina Vu Haygood, vắng mặt)
Địa chỉ: 106 Blossom Hill st, Bastrop, TX 78602 USA.

1.5/ Bà NKTQNLQ5 (Vu Julie Ai, vắng mặt)
Địa chỉ: 1566 Sawgrass Drive, San Jose, CA 95116 USA.

*Người đại diện hợp pháp của các ông NKTQNLQ1, NKTQNLQ2, NKTQNLQ3, NKTQNLQ4, NKTQNLQ5:* Ông Trần Thanh H (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 28/01/2015 tại Hoa Kỳ có Hợp pháp hóa lãnh sự và Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2015 tại Văn phòng công chứng Quận 10, có mặt).

2/ Ông NLQ2; Địa chỉ cư trú: 584 Basin Court San Jose CA 95111 USA. (vắng mặt)

3/ Bà NLQ3; Địa chỉ cư trú: 5629N 2$^{ND}$ Street Philadelphia, PA 19120 USA. (vắng mặt)

4/ Bà NLQ4; Địa chỉ: 14251 Ultrillo Dr Irvine CA 92606 USA. (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4*: Ông Nguyễn Thái H1; Địa chỉ cư trú: 12/8 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005961, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2010 tại Văn phòng Công chứng số Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền ngày 01/7/2010 và Giấy ủy quyền ngày 06/7/2010 đã được hợp pháp hóa lãnh sự bởi Tổng lãnh sự quán Nước CHXHCN Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ, có mặt).

5/ Ông NLQ5; Địa chỉ cư trú: 418 đường NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6/ Bà NLQ6; Địa chỉ cư trú: 168 NGT, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của các ông bà NLQ5, NLQ6*: Ông Trần Thanh H; Địa chỉ cư trú: 1208 (số cũ 51/11) LĐT, Phường 13, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 33480, quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/9/2008 tại Phòng Công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy ủy quyền số công chứng 018864, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/12/2014 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Tạc - Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt).

7/ Bà NLQ7 (chết ngày 19/12/2015).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ7*:

7.1/ Ông Vũ Nguyễn Hà L (có mặt)

7.2/ Ông NLQ2 (vắng mặt)

7.3/ Bà NLQ3 (vắng mặt)

7.4/ Bà NLQ4 (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4:* Ông Vũ Nguyễn Hà L, có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 06/07/2016 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 18/7/2016 và Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2016 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 03/11/2016, có mặt).

7.5/ Bà NLQ6 (vắng mặt)

7.6/ Ông NLQ5 (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ5, bà NLQ6*: Ông Trần Thanh H (có căn cước nêu trên, theo Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2016 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt).

8/ Bà NLQ8 (có mặt)

9/ Ông NLQ9 (vắng mặt)

10/ Bà NLQ10 (có mặt)

11/ Bà NLQ11 (vắng mặt)

12/ Bà NLQ12 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/ NLQ13, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của UBND quận GV*: Bà Lê Nguyên Linh B (Theo Giấy ủy quyền số 22/UQ ngày 22/6/2015 của UBND quận GV, có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2008, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/5/2010 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Nguyễn Hà L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh H trình bày: Năm 1965, cha mẹ ông là ông Vũ Văn H2 (chết năm 1988) và bà NLQ7 có mua được một sở đất có diện tích 725m$^2$ tọa lạc tại địa chỉ: 197/33 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Tờ bán đứt đất số 2885 do Ủy ban hành chánh xã Hạnh Thông chứng thực ngày 21/8/1965; Giấy chứng thư bổ túc và cải chính ngày 15/11/1965; Bằng khoán số 687 ngày 23/11/1973.

Ông Vũ Văn H2 có cha là ông Vũ Văn N1, mẹ là bà Lã Thị Ph đã chết trước ông H2, không có chứng tử. Ông Vũ Văn H2 và bà NLQ7 có 07 người con chung gồm: NLQ1, sinh năm 1949, Vũ Nguyễn Hà L, sinh năm 1951, NLQ2, sinh năm 1952, NLQ3, sinh năm1963, NLQ4, sinh năm 1956, NLQ6, sinh năm 1954, NLQ5, sinh năm 1963.

Ngoài ra ông Vũ Văn H2 còn có vợ là bà Trương Thị Nh, sinh năm 1926 và người con riêng là Vũ Trường Cương L1, sinh năm 1945.

Năm 1988, sau khi ông H2 chết, mẹ ông có cho ông Vũ Trường Cương L1 sử dụng một phần nhà đất khoảng 80m$^2$ thuộc một phần căn nhà và đất số 197/33 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2003, ông Vũ Trường Cương L1 đã khai man và tự ý hợp thức hóa một phần nhà đất này thành tài sản riêng của mình và đã được NLQ13 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5537/2003 ngày 26/5/2003 tọa lạc tại địa chỉ mới là số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích nhà là 100,89m$^2$, diện tích đất là 80,3m$^2$.

Căn nhà và đất tại số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh mà NLQ13 cấp chủ quyền cho ông Vũ Trường Cương L1 là thuộc tài sản chung của cha mẹ ông là ông Vũ Văn H2 và bà NLQ7 tạo lập. Ông H2 chết không để lại di chúc nên tài sản phải thuộc quyền sở hữu của các con và vợ (bà NLQ7). Do đó, việc ông Vũ Trường Cương L1 tự ý khai man và chiếm hữu nhà số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng là sai trái.

Nay ông khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu và chia thừa kế đối với căn nhà số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/5/2010, nguyên đơn là ông Vũ Nguyễn Hà L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là nhà số 197/33 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của mẹ ông là bà NLQ7 và cha ông Vũ Văn H2, chết năm 1988 để lại.

Đến ngày 30/6/2015, ông Vũ Nguyễn Hà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung là căn nhà số 197/33 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn – Ông Vũ Trường Cương L1 trình bày: Nguồn gốc nhà đất số 34 đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha ông là ông

Vũ Văn H2 xây dựng từ năm 1966 trên miếng đất thổ cư của ông và giao lại cho ông ở từ trước năm 1975. Năm 1978, ông lập gia đình, có con và cha ông đã cho gia đình ông nhập hộ khẩu về đây cho đến nay.

Mẹ ông là bà Trương Thị Nh, vợ cả của cha ông. Bà Nhi và ông H2 có 02 người con chung là Vũ Trường Cương L1 và Vũ Trường Nha L3 (đã chết lúc 6 tuổi). Mẹ kế của ông là bà NLQ7. Ông H2 và bà Tảo có 07 người con chung là: NLQ1, sinh năm 1949, Vũ Nguyễn Hà L, sinh năm 1951, NLQ2, sinh năm 1952, NLQ3, sinh năm1963, NLQ4, sinh năm 1956, NLQ6, sinh năm 1954 và NLQ5, sinh năm 1963.

Cha ông chết để lại 5 bất động sản. Phần lô đất thổ cư bằng khoán số 687 Bộ Hạnh Thông Tây xã nhằm lô đất thổ cư số 375/101 tờ thứ 3 bản đồ giải thửa (trừ 2 căn nhà số 32, diện tích 80m$^2$ bán rồi và nhà số 34 có sổ hồng, diện tích 80m$^2$, tổng cộng diện tích 2 căn nhà là 160m$^2$) là phần tài sản chung chưa chia thừa kế, đề nghị Tòa án chia thừa kế mảnh đất còn lại trên theo pháp luật. Phần đất chung đó hiện nay ông Vũ Nguyễn Hà L đang kinh doanh cho thuê 36 phòng trọ.

Riêng căn nhà số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh do ông đứng tên đã được chính quyền Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 26/3/2003, ông đã đóng lệ phí trước bạ đầy đủ vào ngày 28/7/2003. Trước khi làm Giấy chứng nhận ông đã được sự đồng ý của bà NLQ7 và các em ông đang thường trú tại Việt Nam.

Nay gia đình ông không đồng ý trả lại nhà và cũng không đồng ý chia nhà đất số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 28/7/2011, ông Vũ Trường Cương L1 và bà NLQ8 đã tặng cho căn nhà số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con là: NLQ9, NLQ11, NLQ12; trước bạ ngày 11/8/2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị Nh (Nhu) (chết ngày 10/12/2017) trước đây có lời khai:

Bà có chồng là ông Vũ Văn H2. Trong thời gian chung sống ông bà có con chung là Vũ Trường Cương L1. Ông H2 có vợ kế là bà NLQ7 nên bà bỏ về nhà cha mẹ bà ở Bạc Liêu. Ông H2 đã chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Vũ Trường Cương L1 từ nhỏ đến lúc trưởng thành và cưới vợ là NLQ8. Tôi Trương Thị Nh do sai xót đánh máy là Trương Thị Nh tại Giấy trích lục khai sinh (kèm theo). Về việc hai tên Trương Thị Nh và Trương Thị Nh là một người, được các đồng thừa kế nhìn nhận.

Về căn nhà 197/33 đường NVN, còn có số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là của gia đình Vũ Trường Cương L1. Vì gia đình con trai tôi đã ở địa phương từ năm 1966 đến nay, đã có nhiều

công sức đóng góp sửa chữa, tu bổ căn nhà này, được sự đồng ý của cha đẻ, mẹ kế là NLQ7 xác nhận quyền sở hữu nhà đất số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là của Vũ Trường Cương L1 ngày 20/3/2003 và đã làm đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Bà không có tạo lập cũng như không đóng góp vào nhà đất số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, nên không tranh chấp quyền sở hữu nhà và chia thừa kế.

2/ Bà NLQ7 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2011:

Bà có chồng là ông Vũ Văn H2 chết năm 1988. Ông bà có 07 người con chung là: NLQ1, sinh năm 1949, Vũ Nguyễn Hà L, sinh năm 1951, NLQ2, sinh năm 1952, NLQ3, sinh năm1963, NLQ4, sinh năm 1956, NLQ6, sinh năm 1954 và NLQ5, sinh năm 1963.

Trước khi ông H2 lấy bà, ông H2 đã có một người vợ, bà không nhớ tên. Ông H2 sau khi không còn chung sống với vợ trước rồi mới lấy bà. Bà và ông H2 có giấy chứng nhận sống chung có xác nhận của địa phương, lúc đó chưa có giấy chứng nhận kết hôn. Vợ trước của ông H2 khi chia tay cũng đã đi lấy chồng khác. Ông H2 và vợ trước có một con chung là Vũ Trường Cương L1. Bà và ông H2 có tài sản chung là một lô đất tại 197/33 NVN, Phường 7, quận GV đã được cấp giấy hồng đứng tên bà là đồng sở hữu và đại diện các đồng thừa kế của ông Vũ Văn H2 ngày 09/7/2009. Ngoài ra còn có một phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp cho ông Vũ Trường Cương L1. Cả hai lô đất này trước đây do bà và ông H2 mua của vợ chồng ông Sóc năm 1965. Bà không nhớ là có cho ông Vũ Trường Cương L1 phần đất nào không.

Bà không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp nói trên, bà đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

3/ Các ông bà NLQ5, NLQ2, NLQ4, NLQ6, NLQ1, NLQ3 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Vũ Nguyễn Hã Lãng.

4/ Đại diện NLQ13, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Đối với căn nhà 197/33 NVN (số mới 36 đường số 6), Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh được NLQ13 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4411/2009/UB.GCN ngày 09/7/2009 cho bà NLQ7 (là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của ông Vũ Văn H2) với diện tích sàn là 510,4m$^2$, diện tích đất 618,6m$^2$ thuộc thửa đất số 508 tờ số 52, Phường 7, quận GV (theo tài liệu đo mới).

Theo khai trình, căn nhà có nguồn gốc đất thuộc bằng khoán 687 Bộ Hạnh Thông xã do ông Huỳnh Văn Sốc – Lê Thị Sãnh chuyển nhượng lại một phần diện tích 725m$^2$ cho ông Vũ Văn H2 theo tờ bán đứt đất có Ủy ban hành chính xã Hạnh Thông vi chứng ngày 21/8/1965, trước bạ ngày 23/8/1965 và kèm chứng thư bổ túc và cải chính có Ủy ban hành chính xã Hạnh Thông chứng thực chữ ký ngày 15/11/1965, trước bạ ngày 16/11/1965. Căn nhà 197/33 NVN, Phường 7,

quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh do ông H2 tự xây dựng năm 1965. Năm 1988, ông H2 chết để lại nhà đất cho vợ là bà NLQ7 và các con tiếp tục sử dụng. Năm 2000, bà Tảo tự xây dựng sửa chữa nới rộng diện tích mà không xin phép. Phần diện tích đất chênh lệch giảm so với giấy tờ chuyển nhượng là do năm 1970 giao cho ông Vũ Trường Cương L1 một phần diện tích 53m$^2$ để xây dựng nhà ở và chuyển nhượng một phần đất diện tích 53m$^2$ cho ông Nguyễn Văn Cư bằng giấy tay (thất lạc).

Quá trình sử dụng nhà đất có xảy ra tranh chấp với bà Trần Thị Kim H3 và tranh chấp với bà Vũ Thị N2. Việc tranh chấp với bà Trần Thị Kim H3 được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Bản án số 1226/2008/DS-ST ngày 15/8/2008 về việc đòi nhà cho thuê và Thông báo sửa chữa bổ sung số 39/TB-TA ngày 06/02/2009, Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 22/2009/QĐ-PT ngày 16/01/2009 của Tòa án nhân dân tối cao – Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ việc tranh chấp với bà Vũ Thị N2 được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 49/2009/QĐST-DS ngày 08/01/2009 về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau đó, bà Trần Thị Kim H3 và bà Vũ Thị N2 cùng có đơn cam kết không tranh chấp và tự nguyện thi hành án, quyết định của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được Ủy ban nhân dân Phường 7, quận GV chứng thực ngày 22/5/2009.

Ngày 25/5/2009, bà Tảo đại diện khai trình lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận và được NLQ13 cấp giấy chứng nhận số 4411/2009/UB.GCN nêu trên.

Từ nguồn gốc nhà đất vừa nêu cho thấy việc Ủy ban nhân dân quân cấp Giấy chứng nhận là đúng theo trình tự thủ tục luật định.

Đối với nhà số 197/33 đường NVN (số mới 34 đường số 6), Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh được NLQ13 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5537/2003 cho ông Vũ Trường Cương L1 đứng tên chủ sở hữu, chủ sử dụng với diện tích sàn 100,89m$^2$, diện tích đất là 80,33m$^2$ tại thửa đất số 75 tờ số 52 Phường 7, quận GV (theo tài liệu đo mới).

Theo khai trình của ông Cương L1 trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, căn nhà do ông Vũ Văn H2 (chết năm 1988) và bà NLQ7 tự tạo lập năm 1966. Năm 1978, bà Tảo trao quyền sở hữu, sử dụng căn nhà cho con là ông Vũ Trường Cương L1, có cam kết xác nhận lại việc trao quyền này được Ủy ban nhân dân Phường 7, quận GV chứng thực ngày 20/3/2003 (kèm bản photo).

Năm 1999, ông Cương L1 đại diện khai trình lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho căn nhà và được NLQ13 cấp Giấy chứng nhận số 5537/2003 nêu trên.

Ngày 28/7/2011, ông Vũ Trường Cương L1 và bà NLQ8 tặng cho căn nhà trên cho ông NLQ9, bà NLQ11, bà NLQ12 tại Phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 18631 quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, trước bạ ngày 11/8/2011, đăng bộ cập nhật ngày 13/9/2011.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 750/2018/DS-ST ngày 12/6/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 273, khoản 2 Điều 517 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 677, 678, 679 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Nguyễn Hà L.

a/ Xác định ½ nhà, đất số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Vũ Văn H2 để lại.

b/ Xác định ½ nhà, đất số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại là thuộc sở hữu của ông Vũ Trường Cương L1.

2/ Xác định những người được hưởng thừa kế di sản của ông Vũ Văn H2 là ½ nhà, đất trên gồm: Bà NLQ7 (bà Tảo chết ngày 15/12/2015), bà NLQ1 {bà Tần chết ngày 05/01/2014 có chồng và các con là ông NKTQNLQ1, ông NKTQNLQ2 (Dany Vũ), ông NTKQNLQ3, bà NKTQNLQ4 (Lina Vu Haygood), bà NKTQNLQ5 (Vu Julie Ai)}, ông Vũ Nguyễn Hà L, ông NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ6, ông NLQ5 và ông Vũ Trường Cương L1.

3/ Ông Vũ Trường Cương L1 được chia phần công sức đóng góp tương đương bằng một suất thừa kế đối với di sản của ông H2.

Cụ thể:

- Ông Vũ Trường Cương L1 được hưởng thừa kế, công sức, phần của bà Tảo và phần của bà Tảo được thừa kế của ông H2 cho tổng cộng là 13/20 trị giá nhà đất trên.

- Các đồng thừa kế của bà NLQ1 được hưởng 1/20, ông Vũ Nguyễn Hà L được hưởng 1/20, ông NLQ2 được hưởng 1/20, bà NLQ3 được hưởng 1/20, bà NLQ4 được hưởng 1/20, bà NLQ6 được hưởng 1/20, ông NLQ5 được hưởng 1/20. Tổng cộng là 7/20 trị giá nhà đất trên.

4/ Giao toàn bộ nhà đất số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Vũ Trường Cương L1 như nêu trên. Ông Vũ Trường Cương L1 có trách nhiệm hoàn trả cho các đồng thừa kế khác tổng cộng 7/20 trị giá nhà đất trên mà họ được hưởng. Cụ thể:

- Các đồng thừa kế của bà NLQ1 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Ông Vũ Nguyễn Hà L = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Ông NLQ2 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Bà NLQ3 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Bà NLQ4 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Bà NLQ6 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

- Ông NLQ5 = 1/20 = 107.068.717 đồng.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5537/2003 ngày 26/5/2003 mà NLQ13 đã cấp cho ông Vũ Trường Cương L1.

6/ Hủy Hợp đồng tặng cho nhà đất số 34 đường số 6 theo số công chứng 18631 quyển số 7 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2011 của Phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Sau khi thanh toán xong số tiền theo kỹ phần trên cho các đương sự nêu ở khoản 4, ông Vũ Trường Cương L1 được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục đứng tên trọn quyền sở hữu đối với nhà đất tại số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/6/2018, ông Vũ Trường Cương L1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do kháng cáo mà ông Cương L1 đưa ra là ông đã sử dụng căn nhà số 200 Đường số 6, Phường 7, quận GV liên tục hơn 40 năm qua. Đồng thời, cùng ngày nêu trên, ông Cương L1 có đơn xin miễn án phí.

Ngày 20/6/2018, ông Vũ Nguyễn Hà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Lý do kháng cáo mà ông Hà L đưa ra là:

1/ Về hình thức: Tờ "Trích yếu về việc xác nhận lại quyền sở hữu chủ nhà đất cho con tôi ngày 20/3/2003' không phải là văn bản công chứng theo quy định tại Điều 493 Bộ luật Dân sự năm 1995. Việc UBND phường 7 xác nhận vào tài liệu này là không đúng quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ và Điều 2 Quyết định số 02/2002/QĐ-UB ngày 01/01/2002 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về nội dung: Bà NLQ7 sinh năm 1928, không biết chữ nên việc UBND phường 7, quận GV chứng thực dấu lăn tay của bà Tảo là không đúng quy định. Ông Nguyễn Văn Hưng chết năm 1998, không để di chúc cho ai. Do đó, căn nhà số 200 Đường số 6, Phường 7, quận GV là di sản thừa kế. Bà Tảo chưa được cấp giấy tờ về sở hữu nên không có quyền định đoạt đối với căn nhà này.

Ngày 27/6/2018, ông Nguyễn Thái H1 là người đại diện hợp pháp của các ông bà NLQ2, NLQ3 và NLQ4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, không công nhận ½ nhà đất số

200 Đường số 6 còn lại thuộc sở hữu của ông Vũ Trường Cương L1; không công nhận ông Cương L1 được hưởng phần di sản của bà Tảo; chỉ chia phần di sản của ông H2 cho các ông bà được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu theo phía nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Bị đơn không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự và Luật sư trình bày ý kiến như sau:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bày như sau:

- Việc bà NLQ7 tặng cho căn nhà cho ông Vũ Trường Cương L1 là trái pháp luật:

+ Về hình thức: Văn bản tặng cho không được công chứng theo quy định.

+ Về nội dung: Bị đơn xác định bà Tảo là người không biết chữ, do đó, việc UBND Phường 7 xác nhận cả nội dung là không đúng.

Do đó, tờ trích yếu này không có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn H2 là nhà đất số 200 Đường số 6, Phường 7, quận GV cho các đồng thừa kế.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bày như sau:

Nhà đất số 200 Đường số 6, Phường 7, quận GV là tài sản của cụ Hưng và cụ Tảo. Lúc sinh thời, cụ Hưng và cụ Tảo đã tặng cho ông Cương L1 trước năm 1975. Việc tặng cho này các anh chị em của ông Cương L1 đều biết nhưng không ai phản đối. Sau khi cụ Hưng chết, cụ Tảo một lần nữa xác định lại việc đã tặng cho bằng tài liệu "Trích yếu về việc tặng cho…". Tài liệu này có hàm ý nhắc lại sự việc đã tặng cho trước đó. Do đó, vụ án phải áp dụng Nghị quyết số 58/QH và án lệ số 03 để giải quyết. Bản án sơ thẩm nhận định việc tặng cho của cụ Tảo chỉ có giá trị đối với ½ căn nhà là sai lầm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Cương L1.

Về án phí, ông Cương L1 là người lớn tuổi nên được miễn án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và trình bày như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung:

Xét thấy, tài sản tranh chấp có nguồn gốc của cụ Hưng và cụ Tảo tạo lập, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Ông Cương L1 cho rằng, trước năm 1975 cụ Hưng đã cho tài sản này cho ông, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ.

Là tài sản chung của vợ chồng, nên sau khi cụ Hưng chết, cụ Tảo tặng cho toàn bộ căn nhà này cho ông Cương L1 là trái quy định cuả pháp luật, mà cụ Tảo chỉ có quyền định đoạt đối với ½ căn nhà này mà thôi.

Phía nguyên đơn cho rằng tài liệu tặng cho của cụ Tảo hoàn toàn không có giá trị pháp lý là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hà L, ông Cương L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do ông Cương L1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cương L1 và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Vũ Nguyễn Hà L, Vũ Trường Cương L1 và Trần Thanh H làm trong hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của các đương sự nhận thấy:

[2.1] Về việc xác định hàng thừa kế:

Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự trình bày thống nhất về quan hệ gia đình, không có tranh chấp về hàng thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ gia đình của cụ Vũ Văn H2 và cụ NLQ7 như sau:

Cụ Hưng và cụ Tảo có 07 người con chung gồm các ông, bà: NLQ1 (Vu Tina Nguyen), Vũ Nguyễn Hà L, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ5. Ngoài ra, cụ Hưng còn có một người con riêng là ông Vũ Trường Cương L1. Do đó, các ông bà này là hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản có tranh chấp:

Các đương sự đều thừa nhận, nhà đất số 200 Đường số 6, phường 7, GV (sau đây gọi là tắt là căn nhà số 200) là tài sản của cụ Hưng và cụ Tảo.

Ông Cương L1 cho rằng, cụ Hưng đã cho ông căn nhà này vào trước năm 1975, sau khi cụ Hưng chết, cụ Tảo tiếp tục xác nhận lại việc đã cho và UBND quận GV cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5537/2003 ngày 26/5/2003 cho ông. Xét thấy:

Tại tờ khai nhà đất năm 1999, ông Cương L1 khai nguồn gốc căn nhà số 200 là của cha mẹ để lại, có liệt kê tất cả anh chị em;

Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 20/3/1999, ông Cương L1 đã ghi rõ ông là đại diện khai trình và nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất do người cha ruột Vũ Văn H2 tạo lập năm 1966 và mẹ NLQ7 sinh năm 1928 và có 07 em NLQ1, Vũ Nguyễn Hà L, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ5;

Tại Công văn số 56/UBND-TNMT ngày 27/02/2012, UBND quận GV đã xác định:

"...Ngày 20/3/1999, ông Vũ Trường Cương L1 có lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho căn nhà số 34 Đường số 6, Phường 7, quận GV với tư cách là đại diện cho các thừa kế của ông Vũ Văn H2";

Ngày 26/5/2003 UBND quận GV cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5537/2003 với diện tích đất là 80.33m$^2$ tại thửa số 75 tờ số 52, Phường 7, quận GV theo tài liệu đo mới cho ông Vũ Trường Cương L1 là có sai sót trong khâu in giấy chứng nhận. Do đó, cần phải điều chỉnh lại giấy chứng nhận cho đúng là ông Vũ Trường Cương L1 (là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của ông Vũ Văn H2)...";

Tại Văn bản số 1414/CNGV ngày 28/6/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh GV một lần nữa khẳng định việc cấp giấy cho ông Vũ Trường Cương L1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất là có sai sót trong khâu in giấy chứng nhận, nên cần phải điều chỉnh lại cho đúng là ông Vũ Trường Cương L1 là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế của ông Vũ Văn H2 đại diện đứng tên sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà đất số 34 (số mới 200) đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Nhà đất số 200 là tài sản của cụ Hưng và cụ Tảo. Việc ông Cương L1 cho rằng, ông đã được cụ Hưng cho căn nhà này là không có căn cứ, vì ông không xuất trình được tài liệu chứng minh.

Việc cụ Tảo có văn bản xác nhận lại quyền sở hữu chủ nhà đất cho con ngày 20/3/2003 được UBND Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận là có thật. Nhưng vì là tài sản chung với cụ Hưng nên việc cụ Tảo tặng cho toàn bộ căn nhà này cho ông Cương L1 là vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 1995. Việc xác nhận của cụ Tảo chỉ thể hiện ý chí của cụ đối với ½ nhà, đất số 200.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Cương L1 được hưởng ½ nhà, đất số 200 phần của cụ Tảo; ½ nhà, đất còn lại của cụ Hưng phải được chia theo pháp luật cho các đồng thừa của cụ gồm cụ NLQ7 và các con là các ông, bà NLQ1 (bà Tần chết ngày 05/01/2014 có chồng và các con là các ông, bà NKTQNLQ1, NKTQNLQ2 (Dany Vũ), NTKQNLQ3, NKTQNLQ4 (Lina Vu Haygood), và NKTQNLQ5 (Vu Julie Ai), Vũ Nguyễn Hà L, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ5 và Vũ Trường Cương L1; phần cụ Tảo đã cho ông Cương L1 nên ông

Cương L1 được hưởng phần của cụ Tảo; đồng thời tính công sức gìn giữ di sản của ông Cương L1 bằng một suất thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn viện dẫn nêu lên vấn đề về hình thức, nội dung của văn bản xác nhận lại quyền sở hữu chủ nhà đất cho con ngày 20/3/2003 có xác nhận của UBND Phường 7, quận GV và cho rằng văn bản này không có giá trị pháp lý; cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, cho rằng văn bản nêu trên chỉ nhắc lại việc hai cụ đã cho nhà, đất số 200 cho ông Cương L1, là không có căn cứ để chấp nhận, bởi những nhận định ở trên.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự và Luật sư có đề cập đến các tài sản là nhà, đất khác mà cụ Hưng và cụ Tảo để lại, xét thấy, các tài sản này không phải là đối tượng khởi kiện của nguyên đơn, không phải là đối tượng phản tố của bị đơn và cũng không phải là đối tượng mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án khác khi có yêu cầu và thoả mãn các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy, ông Hà L và ông Cương L1 đều là những người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326, nhưng chỉ có ông Cương L1 có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về vấn đề này.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của các ông Hà L và Trần Thanh H là không có căn cứ nên không được chấp nhận; kháng cáo của ông Cương L1 là có căn cứ một phần và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông Vũ Nguyễn Hà L, Trần Thanh H (là người đại diện hợp pháp của các ông bà NLQ5, NLQ6, NLQ1) và ông Nguyễn Thái H1 (là người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4).

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Trường Cương L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 750/2018/DSST ngày 12/6/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 273, khoản 2 Điều 517 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 677, 678 và 679 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Nguyễn Hà L.

1.1/ Xác định ½ nhà, đất tọa lạc tại số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Vũ Văn H2.

1.2/ Xác định ½ nhà, đất toạ lạc tại số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh còn lại là thuộc sở hữu của ông Vũ Trường Cương L1.

2/ Xác định những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Vũ Văn H2 gồm: Bà NLQ7 (bà Tảo chết ngày 15/12/2015), bà NLQ1 {bà Tần chết ngày 05/01/2014 có chồng và các con là ông NKTQNLQ1, ông NKTQNLQ2 (Dany Vũ), ông NTKQNLQ3, bà NKTQNLQ4 (Lina Vu Haygood), bà NKTQNLQ5 (Vu Julie Ai)}, ông Vũ Nguyễn Hà L, ông NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ6, ông NLQ5 và ông Vũ Trường Cương L1.

3/ Ông Vũ Trường Cương L1 được hưởng một kỷ phần của cụ NLQ7 được hưởng thừa kế của cụ Vũ Văn H2; một kỷ phần được hưởng từ di sản của cụ Vũ Văn H2 và một kỷ phần là công sức gìn giữ di sản; cộng với phần tài sản được công nhận tại mục 1.2 nêu trên. Tổng cộng là 13/20 nhà, đất số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Các ông, bà NLQ1, Vũ Nguyễn Hà L, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6 và NLQ5, mỗi người được hưởng 1/20 trị giá nhà, đất số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà NLQ1 đã chết nên những người thừa kế của bà Tần, gồm các ông bà NKTQNLQ1, NKTQNLQ2 (Dany Vũ), NTKQNLQ3, NKTQNLQ4 (Lina Vu Haygood) và NKTQNLQ5 (Vu Julie Ai) được hưởng phần di sản của bà Tần.

5/ Ông Vũ Trường Cương L1 được sở hữu toàn bộ nhà, đất toạ lạc tại số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế của bà NLQ1 (như đã nêu tại mục 4), ông Vũ Nguyễn Hà L, ông NLQ2, bà NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ6 và ông NLQ5, mỗi người 107.068.717 (một trăm lẻ bảy triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm mươi bảy) đồng.

Việc giao nhận số tiền nêu trên được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/ Sau khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên, ông Vũ Trường Cương L1 được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục đứng tên quyền sở hữu đối với nhà, đất toạ lạc tại số 34 (số mới 200) Đường số 6, Phường 7, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5537/2003, do NLQ13 cấp cho ông Vũ Trường Cương L1 ngày 26/5/2003.

8/ Hủy Hợp đồng tặng cho nhà, đất số 34 Đường số 6, Phường 7, Quận GV, theo số công chứng 18631 Quyển số 7 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2011 của Phòng Công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Trường Cương L1.

10/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Vũ Nguyễn Hà L, ông NKTQNLQ2, ông NLQ6, NKTQNLQ1, bà NKTQNLQ4, bà NKTQNLQ5, ông NLQ5, ông NKTQNLQ3, ông NLQ2, ông NLQ3, ông NLQ4 mỗi người 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0049034, 0049035, 0049036, 0049037, 0049038, 0049039, 0049040, 0049041, 0049042, 0049043, 0049044 cùng ngày 06/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP(3), HS(2). 22b, HQ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Khoa**